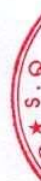


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

ACBC

**CÔNG TY TNHH
MTV QUẢN LÝ QUỸ ACB**



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Quá trình hình thành và phát triển	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
5. Định hướng phát triển	3
6. Các rủi ro	4
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	5
2. Tổ chức và nhân sự	6
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	7
4. Tình hình tài chính	7
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	8
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	9
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2. Tình hình tài chính	10
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	10
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	10
IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY	11
1. Hội đồng thành viên	11
2. Hoạt động của Hội đồng thành viên	12
V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin khái quát**

- ✚ Tên giao dịch: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN QUẢN LÝ QUỸ ACB/ACB CAPITAL MANAGEMENT COMPANY LIMITED.**
- ✚ Tên viết tắt: ACBC.
- ✚ Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Lầu 12, 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ✚ Số điện thoại: (028) 3830.1099 Fax: (028) 3830.1088
- ✚ Website: acbcapital.com.vn Email: acbcinfo@acb.com.vn
- ✚ Thông tin chủ sở hữu: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB.**
- ✚ Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo Quyết định số 41/UBCK-GP của UBCKNN ngày 28/10/2008 và các văn bản điều chỉnh bổ sung như sau:
 - ◆ Quyết định số 54/UBCK-GP ngày 02/12/2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật;
 - ◆ Quyết định số 33/GPĐC-UBCK ngày 25/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính;
 - ◆ Quyết định số 05/GPĐC-UBCK ngày 09/02/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán: Tư vấn đầu tư chứng khoán;
 - ◆ Quyết định số 30/GPĐC-UBCK ngày 03/12/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 về việc thay đổi địa điểm trụ sở chính công ty;
 - ◆ Quyết định số 100/GPĐC-UBCK ngày 20/10/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động theo giấy phép số 41/UBCK-GP ngày 28/10/2008 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

✚ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- ◆ Ngày 18/05/2022, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB đăng ký và được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số doanh nghiệp 0306123351;
- ◆ Ngày 29/11/2022, Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB đăng ký thay đổi Người đại diện theo pháp luật và được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB (“Công ty”) được thành lập từ tháng 10/2008. Quá trình hình thành và phát triển Công ty như sau:

- ✚ Năm 2011: Công ty thành lập và quản lý Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB với vốn điều lệ 240.080.000.000 đồng;
- ✚ Năm 2012: Quỹ đầu tư tăng trưởng ACB được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;
- ✚ Năm 2022: Công ty thành lập và quản lý Quỹ đầu tư ACB50.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

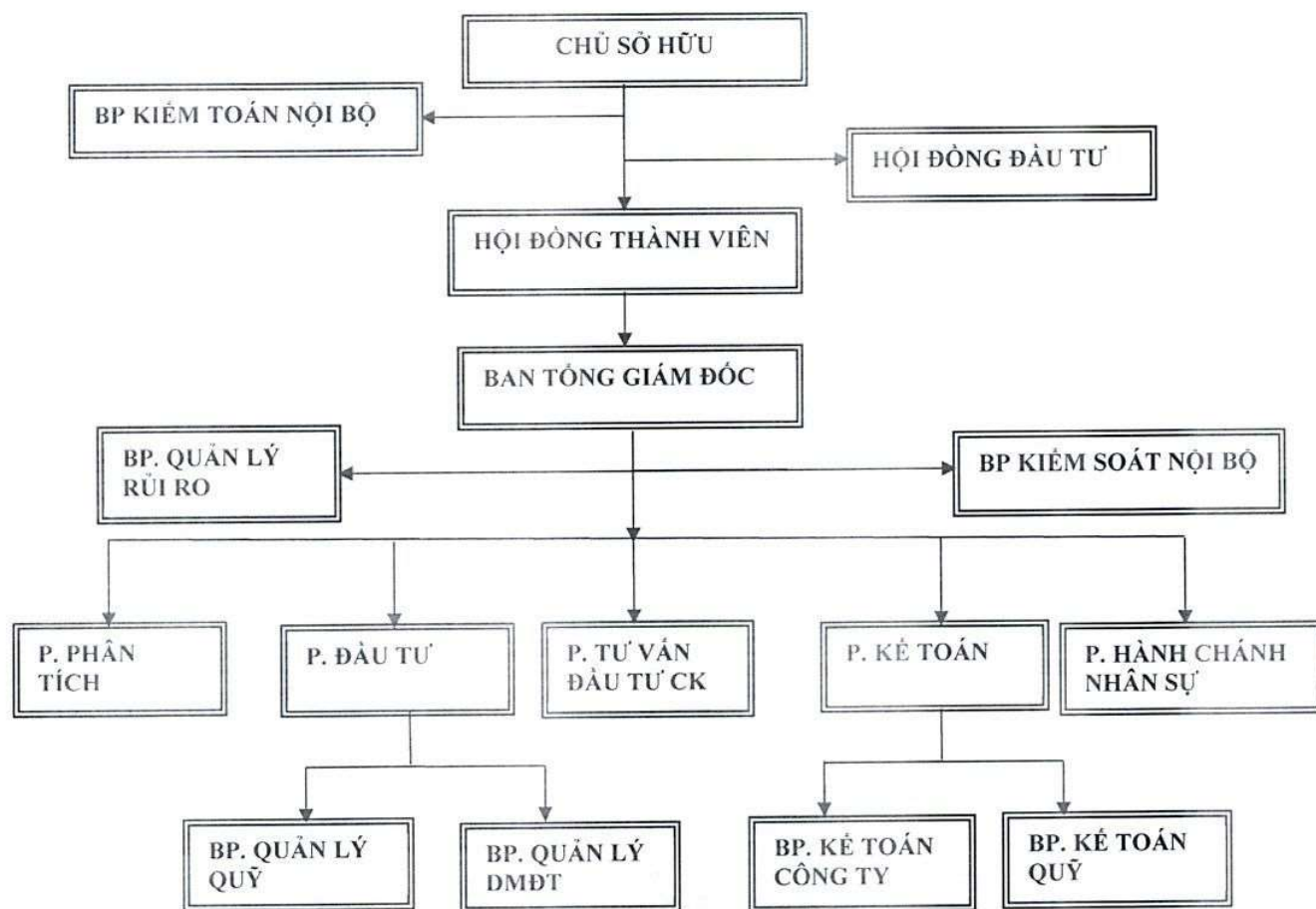
- ✚ **Ngành nghề kinh doanh:** Công ty được UBCK cấp phép hoạt động kinh doanh tất cả các nghiệp vụ theo quy định pháp luật, cụ thể gồm:
 - ◆ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
 - ◆ Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
 - ◆ Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- ✚ **Địa bàn kinh doanh:** Các hoạt động quản lý kinh doanh của Công ty được thực hiện tại địa chỉ Lầu 12, 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

✚ **Mô hình quản trị:**

- ◆ Công ty thuộc loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu, được tổ chức và quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc;
- ◆ Công ty chỉ có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng thành viên.

✦ Sơ đồ tổ chức Công ty



5. Định hướng phát triển

a. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm và am hiểu thị trường, mục tiêu của Công ty là trở thành:

- ✦ Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp;
- ✦ Tiên phong đưa ra những sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường;
- ✦ Đem lại hiệu quả đầu tư và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng.

b. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- ✦ Công ty là công ty con của Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS") và là một

trong những thành viên năng động của Ngân hàng TMCP Á Châu (“ACB”). Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ cũng như kế thừa nền tảng văn hóa, khách hàng, kiến thức, kinh nghiệm và lợi thế của Tập đoàn ACB. Chiến lược phát triển của Công ty:

- ◆ Hoạt động của Công ty hướng tới các chuẩn mực ổn định, an toàn và hiệu quả. Công ty chú trọng xây dựng mối quan hệ chiến lược với các thành viên thị trường, các cơ quan chủ quản bằng chất lượng dịch vụ và uy tín kinh doanh;
- ◆ Công ty hội tụ đội ngũ nhân sự có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán. Công ty có kinh nghiệm quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chứng khoán cho khách hàng theo phương thức chuyên nghiệp, hiệu quả nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, giảm thiểu rủi ro và đáp ứng tối đa quyền lợi của khách hàng;
- ◆ Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ nhằm cung cấp giải pháp đầu tư chuyên nghiệp, hiệu quả nhất đến khách hàng;
- ◆ Thành lập và quản lý chuyên nghiệp các quỹ đầu tư;
- ◆ Từng bước khẳng định vị thế thương hiệu của ACBCapital trên thị trường.

6. Các rủi ro

Công ty đã xây dựng Bộ phận Quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu. Hệ thống quản lý rủi ro được xây dựng trên nguyên tắc độc lập hoạt động nhưng phối hợp tương tác, quản trị rủi ro từ tất cả các bộ phận để tạo nên sự thống nhất nhằm giảm thiểu những tổn thất không mong muốn xảy ra. Bên cạnh đó, hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro trong quá trình hoạt động của Công ty:

✦ **Rủi ro thị trường:**

- ◆ **Rủi ro tiền tệ:** Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là tiền đồng Việt Nam, cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.
- ◆ **Rủi ro giá:** Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.
- ◆ **Rủi ro lãi suất:** Công ty không phải chịu rủi ro về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào.

- ✦ **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ hoạt động tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và các khoản phải thu. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chỉ gửi tiền tại các tổ chức tín dụng uy tín nên rủi ro từ hoạt động này là rất thấp.

- ✦ **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro này xảy ra khi Công ty hoặc khách hàng ủy thác không thể bán, không thể chuyển đổi các tài sản trong danh mục thành tiền mặt với giá trị hợp lý do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.
- ✦ **Rủi ro uy tín:** Là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp công ty bị mất uy tín, lòng tin, mức độ tín nhiệm của nhà đầu tư và khách hàng, kể cả trong trường hợp là do các nguyên nhân khách quan.
- ✦ **Rủi ro tuân thủ:** Là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ Công ty hoặc tại điều lệ quỹ, vi phạm các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, quy chế, kể cả các quy định về đạo đức nghề nghiệp.
- ✦ **Rủi ro pháp lý:** Là rủi ro do sự thiếu hiểu biết của nhân viên hoặc do vô tình không tuân thủ theo các quy định của pháp luật dẫn đến tổn thất về mặt tài chính, tiềm ẩn khả năng tranh chấp, khiếu kiện làm mất uy tín Công ty hoặc do sự thay đổi bất lợi về luật/quy định hoặc xuất phát từ việc hiểu/diễn giải và áp dụng vào tình hình thực tế.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	Tăng/Giảm (VNĐ)	% tăng giảm
1	Doanh thu thuần	2.965.498.644	2.040.746.083	924.752.561	45,31%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.956.163.748	4.228.077.368	(271.913.620)	(6,43%)
3	Chi phí tài chính	4.379.072	1.842.885	2.536.187	137,62%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.460.779.408	2.175.122.376	(714.342.968)	(32,84%)
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.519.962.580	2.848.945.817	671.016.763	23,55%
6	Thu nhập khác	-	-	-	-
7	Chi phí khác	3.675.600	66.674.305	(62.998.705)	(94,49%)
8	Lợi nhuận khác	(3.675.600)	(66.674.305)	62.998.705	(94,49%)
9	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.516.286.980	2.782.271.512	734.015.468	26,38%
10	Thuế TNDN	703.992.516	511.321.047	192.671.469	37,68%
11	Lợi nhuận sau thuế	2.812.294.464	2.270.950.465	541.343.999	23,84%

- ✦ Năm 2024, Công ty đạt hiệu quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận trước thuế tăng hơn 26% so với năm 2023, trong đó, hoạt động quản lý danh mục đầu tư tăng trưởng 63% - tương ứng với doanh thu từ lĩnh vực này tăng 69% so với năm 2023. Trong năm 2024, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư và quản lý quỹ đóng góp 37% Tổng doanh thu của Công ty, vì vậy hiệu quả từ hoạt động này đã góp phần quan trọng vào kết quả kinh doanh chung của Công ty.
- ✦ Mặc dù doanh thu tài chính giảm 6,43% so với cùng kỳ, tuy nhiên, trong năm 2024 Công ty đã quản trị hiệu quả và tiết giảm 32,84% chi phí quản lý doanh nghiệp so với năm 2023- đây là nhân tố đóng góp tích cực vào kết quả lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, việc tận dụng kịp thời tình hình biến động của thị trường chứng khoán, hoạt động tự doanh đã đem lại hiệu quả cao trong năm 2024.

2. Tổ chức và nhân sự

- ✦ Danh sách Ban Điều hành và Kế toán Trưởng:

(1) Ông Nguyễn Minh Tuấn – Tổng Giám đốc

- Trình độ chuyên môn: - Thạc sĩ tài chính trường Đại học New South Wales – Úc;
- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học RMIT – Việt nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003 – 2004	Ngân hàng TMCP Á Châu	Chuyên viên phân tích tín dụng
2005 – 2006	Ngân hàng TMCP Á Châu	Phó phòng Kinh doanh ngoại hối
2007 – 2009	Ngân hàng TMCP Á Châu	Trưởng phòng Đầu tư
2009 đến nay	Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ ACB	Tổng Giám đốc

(2) Bà Trần Thị Thu Thủy – Kế toán Trưởng

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, cử nhân Quản trị kinh doanh - Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996 – 2000	Ngân hàng TMCP Á Châu	Nhân viên kế toán
2000 – 2016	Công ty TNHH Chứng Khoán ACB	Phó phòng Kế toán
2016 đến nay	Công ty TNHH MTV Quản Lý Quỹ ACB	Kế toán Trưởng

- ⊕ Chính sách đối với người lao động: Công ty tuân thủ quy định của Bộ Luật lao động Việt Nam và các văn bản có liên quan, theo đó, các chế độ lương thưởng, đãi ngộ được Công ty thỏa thuận và chi trả cho người lao động phù hợp với từng vị trí chuyên môn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- ⊕ Công ty chỉ thực hiện đầu tư tài chính gồm tiền gửi tại các tổ chức tín dụng và đầu tư cổ phiếu. Tổng giá trị đầu tư tài chính của Công ty đến 31/12/2024 là 58,7 tỷ đồng tăng gần 9% tương đương 4,8 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, phần lớn là tiền gửi với 53 tỷ đồng chiếm 90%, phần còn lại là cổ phiếu Upcom với giá trị 5,7 tỷ đồng.
- ⊕ Thu nhập đến từ hoạt động tài chính trong năm 2024 đạt 3,95 tỷ đồng giảm 6,43% (tương đương giảm 272 triệu đồng) so với năm 2023. Trong đó lãi từ tiền gửi là 2,96 tỷ đồng và lãi từ bán chứng khoán 994 triệu đồng. Trong năm qua thu nhập từ lãi tiền gửi đã giảm hơn 23% do lãi suất huy động từ các TCTD tiếp tục giảm và neo ở mức thấp. Trong năm đã ghi nhận thêm thu nhập từ lãi bán chứng khoán, bù đắp cho sự sụt giảm từ lãi tiền gửi.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	% tăng giảm/%
Tổng giá trị tài sản	60.461.195.969	57.559.635.088	5,04%
Doanh thu thuần	2.965.498.644	2.040.746.083	45,31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.519.962.580	2.848.945.817	23,55%
Lợi nhuận khác	(3.675.600)	(66.674.305)	94,49%
Lợi nhuận trước thuế	3.516.286.980	2.782.271.512	26,38%
Lợi nhuận sau thuế	2.812.294.464	2.270.950.465	23,84%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60.461.195.969	-	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	52,88	54,59	
+ Hệ số thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	52,88	54,59	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,02	0,02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,02	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,050	0,036	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	94,83%	111,28%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	4,74%	4,02%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,65%	3,95%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	34,70%	39,10%	

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

a. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- ✚ Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa từng bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b. Chính sách liên quan đến người lao động

- ✚ Số lượng lao động và mức lương trung bình đối với người lao động:
 - ◆ Số lượng lao động: 08 người.
 - ◆ Mức lương/thu nhập trung bình đối với người lao động khoảng 20 triệu đồng/người/tháng.
- ✚ Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - ◆ Công ty triển khai mua bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho cán bộ nhân viên;
 - ◆ Công ty tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho cán bộ nhân viên;
 - ◆ Công ty đào tạo an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy cho người lao động.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- ✦ Mặc dù bị chi phối bởi các cuộc xung đột địa chính trị như cuộc chiến Ukraine và tình hình bất ổn tại Trung Đông, nhìn chung nền kinh tế toàn cầu năm 2024 tăng trưởng tương đối ổn định. Tuy vậy, những ảnh hưởng tiêu cực trên đã khiến cho nền kinh tế thế giới năm 2024 không có nhiều khởi sắc. Giá cả hàng hóa thế giới hạ nhiệt, chính sách tiền tệ từng bước được nới lỏng. Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 được các tổ chức như IMF, OECD... dự kiến đạt 3,2% giảm nhẹ so với mức 3,3% năm 2023.
- ✦ Năm 2024, kinh tế Việt Nam nằm trong top những nước có mức tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Tăng trưởng GDP năm 2024 ước tính đạt 7,09% so với năm trước, đây là một thành tích cao khi vượt qua cả dự báo của một số tổ chức và vượt mục tiêu Quốc hội đề ra, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực Asean. Thị trường chứng khoán Việt Nam năm qua cũng ghi nhận mức tăng trưởng năm thứ 2 liên tiếp, VN-Index kết thúc năm 2024 với 1.266,78 điểm tăng 12,3% so với đầu năm.
- ✦ Năm 2024 với sự quan tâm, định hướng, chỉ đạo kịp thời của Hội đồng thành viên, Ban Điều hành và toàn thể nhân viên Công ty đã nỗ lực để có một năm tăng trưởng tích cực, Công ty ghi nhận doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính là 2,76 tỷ đồng tăng 35,33% so với năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt được là 3,51 tỷ đồng tăng 26,38% (tương đương 734 triệu đồng) so với năm 2023. Tỷ lệ an toàn chính đạt 537%.
- ✦ Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện các công việc sau:
 - ◆ Ban điều hành theo dõi sát sao diễn biến tình hình kinh tế thế giới, các chính sách vĩ mô, thị trường chứng khoán trong nước để chủ động lựa chọn tỷ trọng đầu tư chứng khoán và tiền gửi ngân hàng, các tỷ trọng này được điều chỉnh linh hoạt như tận dụng kịp thời sự biến động của thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ để hiện thực lợi nhuận tự doanh và tối ưu lợi suất tiền gửi.
 - ◆ Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quản lý danh mục đầu tư, động lực chính thúc đẩy doanh thu tăng là đến từ hoạt động này. Số dư tài khoản ủy thác đầu tư từ doanh nghiệp đến 31/12/2024 là 1.865 tỷ đồng tăng 63% so với cùng kỳ năm trước (năm 2023 là 1.144 tỷ đồng). Ngoài việc nhận và thực hiện các chỉ định ủy thác từ doanh nghiệp, Ban Điều hành đã thường xuyên đưa ra những tư vấn, phương pháp quản lý dòng tiền hiệu quả và an toàn cho Công ty và Khách hàng.
 - ◆ Quỹ thành viên ACB50 ghi nhận mức tăng trưởng khả quan với mức sinh lời hơn

11% (chưa bao gồm lợi tức) so với cuối năm 2023 và tăng 22,61% so với ban đầu.

2. Tình hình tài chính

- ✦ Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2024 đạt 60,46 tỷ đồng tăng hơn 5% (tương đương 2,90 tỷ đồng) so với năm 2023. Trong đó, tài sản ngắn hạn là 60,44 tỷ đồng tăng 5,1% so với năm trước và chiếm đến 99,97% trong cơ cấu tổng tài sản, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng rất nhỏ chỉ với 12,49 triệu đồng.
- ✦ Trong cơ cấu tổng tài sản thì các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn với 97,1% (tương đương 58,73 tỷ đồng), đây chủ yếu là tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại tổ chức tín dụng. Kế đến là các khoản phải thu ngắn hạn với 1,63% (tương đương 988,4 triệu đồng) là các khoản thu phí quản lý danh mục ủy thác và phí quản lý quỹ. Công ty không có các khoản phải thu quá hạn.
- ✦ Nợ phải trả cuối năm 2024 ghi nhận 1,14 tỷ đồng tăng 8,44% (tương đương 90 triệu đồng) so với năm trước và chỉ chiếm 1,89% trong tổng nguồn vốn. Nợ phải trả trong năm tăng do thuế phải nộp tăng 43,9% (101,7 triệu đồng). Công ty không phát sinh các khoản phải trả xấu và không có nợ vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ✦ Công ty luôn cải tiến và nâng cao chất lượng của hoạt động kiểm tra giám sát nội bộ. Bộ phận kiểm soát nội bộ thường xuyên rà soát các quy định nội bộ để cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các quy định này nhằm đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và quy định của Chủ sở hữu.
- ✦ Bộ phận Kiểm toán nội bộ tiếp tục được duy trì nhằm phục vụ công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo yêu cầu quản lý của Chủ sở hữu.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- ✦ Để đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh (đa dạng hóa hoạt động, thành lập thêm các quỹ), Công ty tiếp tục tuyển dụng nhân sự. Đối với nhân sự hiện hữu, Công ty chủ động cử nhân sự tham gia hội thảo, tham dự các lớp, khóa học đào tạo liên quan đến hoạt động chuyên môn, đồng thời thực hiện đào tạo nội bộ. Các hoạt động này sẽ nâng cao chất lượng của nhân viên đáp ứng nhu cầu cạnh tranh của Công ty và phục vụ tốt cho khách hàng.
- ✦ Công ty tiếp tục tập trung vào mảng kinh doanh lõi thông qua nghiên cứu thành lập và quản quỹ đầu tư; mở rộng việc nhận ủy thác quản lý danh mục đầu tư cho các tổ chức và cá nhân.

IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên của Công ty do Chủ sở hữu – ACBS bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên của Công ty gồm 03 thành viên là những cá nhân có gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và tài chính ngân hàng. Hiện các thành viên này đã và đang là nhà quản trị, quản lý cấp cao tại Tập đoàn ACB và các đơn vị trực thuộc.

(1) Ông Đỗ Minh Toàn - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Người đại diện theo pháp luật

- ✦ Ông Đỗ Minh Toàn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Columbia Southern - Hoa Kỳ và đã gần 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và tài chính ngân hàng.
- ✦ Ông Đỗ Minh Toàn gia nhập Ngân hàng TMCP Á Châu từ năm 1995. Ông từng được đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu. Hiện tại, ông Đỗ Minh Toàn đang là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- ✦ Kể từ tháng 06/2022, Ông Đỗ Minh Toàn được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên và là Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- ✦ Ông Đỗ Minh Toàn hiện cũng là Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB.

(2) Ông Nguyễn Văn Hòa - Thành viên Hội đồng thành viên

- ✦ Ông Nguyễn Văn Hòa tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng, trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và đã có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- ✦ Ông Nguyễn Văn Hòa tham gia công tác tại Ngân hàng TMCP Á Châu từ năm 1995. Ông hiện giữ chức Phó Tổng Giám đốc, kiêm Giám đốc Tài Chính, kiêm Kế toán trưởng của Ngân hàng TMCP Á Châu. Hiện tại, ông Nguyễn Văn Hòa đang là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Á Châu.
- ✦ Ông Nguyễn Văn Hòa giữ vị trí Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB.

(3) Ông Nguyễn Đức Thái Hân - Thành viên Hội đồng thành viên

- ✦ Ông Nguyễn Đức Thái Hân tốt nghiệp Cử nhân khoa học ngành Vật lý lý thuyết,

Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh và đã có gần 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

- ✦ Năm 1994, Ông Nguyễn Đức Thái Hân tham gia công tác tại Ngân hàng TMCP Á Châu. Từ năm 2008, Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu.
- ✦ Tháng 05/2017, Ông Nguyễn Đức Thái Hân được bổ nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB. Kể từ tháng 06/2022, Ông giữ vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.
- ✦ Ông Nguyễn Đức Thái Hân giữ vị trí Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB.

2. Hoạt động của Hội đồng thành viên

- ✦ Hội đồng thành viên theo sát hoạt động của Ban Điều hành nhằm đôn đốc và kịp thời chỉ đạo thực hiện hoạt động kinh doanh.
- ✦ Hàng năm, Hội đồng thành viên tổ chức họp thường niên theo quy định tại Điều lệ. Ngoài ra, tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Hội đồng thành viên tổ chức họp bất thường để thông qua các vấn đề cụ thể.

TPHCM, ngày 31.. tháng 03. năm 2025


Nguyễn Minh Tuấn
TỔNG GIÁM ĐỐC



Công ty quản lý quỹ
Capital Management Company

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



KPMG'S COPY

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin chung

	Trang
Thông tin về Công ty	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo Kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30

TRÁI
M
G
23

0112
CHI
ÔNG
K
VH PH

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số	41/UBCK-GP	ngày 28 tháng 10 năm 2008
	54/UBCK-GP	ngày 2 tháng 12 năm 2009
	33/GPĐC-UBCK	ngày 25 tháng 10 năm 2013
	5/GPĐC-UBCK	ngày 9 tháng 2 năm 2015
	30/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2015
	100/GPĐC-UBCK	ngày 20 tháng 10 năm 2022

Hội đồng Thành viên	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Văn Hòa	Thành viên
	Ông Nguyễn Đức Thái Hân	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật	Ông Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
--------------------------------------	------------------	----------

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
---------------------	----------------------	---------------

Trụ sở đăng ký	Lầu 12, Số 480 Nguyễn Thị Minh Khai Phường 2, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 30 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Nhà đầu tư
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành Ngày 31 tháng 3 năm 2025 được trình bày từ trang 5 đến trang 30.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00570-25-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130)	100		60.448.695.972	57.530.468.423
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	721.793.021	982.224.426
Tiền	111		721.793.021	982.224.426
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.738.500.000	53.951.500.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	5.738.500.000	6.451.500.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	53.000.000.000	47.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		988.402.951	2.596.743.997
Phải thu khách hàng	131		28.557.100	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	134	6	272.045.850	533.582.627
Phải thu ngắn hạn khác	135	7	687.800.001	2.063.161.370
Tài sản dài hạn (200 = 220)	200		12.499.997	29.166.665
Tài sản cố định	220		12.499.997	29.166.665
Tài sản cố định vô hình	227	8	12.499.997	29.166.665
Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(37.500.003)	(20.833.335)
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		60.461.195.969	57.559.635.088
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.143.199.346	1.053.932.929
Nợ ngắn hạn	310		1.143.199.346	1.053.932.929
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	334.527.027	232.876.989
Phải trả người lao động	315	10	692.000.000	782.055.940
Chi phí phải trả	316		40.560.000	39.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		76.112.319	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		59.317.996.623	56.505.702.159
Vốn chủ sở hữu	410		59.317.996.623	56.505.702.159
Vốn góp	411	11	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.352.861.426	1.352.861.426
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		725.363.093	725.363.093
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.239.772.104	4.427.477.640
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		60.461.195.969	57.559.635.088

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Trần Thị Thu Thủy
 Người lập

Trần Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng

Nguyễn Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
 ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chứng khoán lưu ký của Công ty	006		4.990.000.000	5.610.000.000
- Chứng khoán giao dịch	007		4.990.000.000	5.610.000.000
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác	030	12	14.698.669	64.083.872
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		14.698.669	64.083.872
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	13	1.865.800.000.000	1.144.600.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		1.865.800.000.000	1.144.600.000.000
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	14	38.268.454.248	38.644.242.464
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	15	-	48.293.035

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


 Trần Thị Thu Thủy
 Người lập


 Trần Thị Thu Thủy
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Minh Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B02 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10	16	2.965.498.644	2.040.746.083
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	1.936.541.332	1.242.912.373
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.028.957.312	797.833.710
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.956.163.748	4.228.077.368
Chi phí tài chính	22		4.379.072	1.842.885
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	1.460.779.408	2.175.122.376
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		3.519.962.580	2.848.945.817
Lỗ khác	40		(3.675.600)	(66.674.305)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.516.286.980	2.782.271.512
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	20	703.992.516	511.321.047
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	20	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.812.294.464	2.270.950.465

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.227.035.421	1.681.721.352
Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(296.236.315)	(244.084.958)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.080.558.110)	(2.680.187.183)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(624.079.468)	(490.591.694)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	06		132.300.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(132.300.000)	(61.264.170)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(773.838.472)	(1.794.406.653)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	23		(46.000.000.000)	(49.900.000.000)
Thu tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng	24		40.500.000.000	49.400.000.000
Tiền thu được từ thanh lý cổ phiếu	26		1.676.181.950	-
Tiền thu cổ tức và lãi tiền gửi	27		4.337.225.117	2.692.599.286
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		513.407.067	2.192.599.286
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(260.431.405)	398.192.633
Tiền đầu năm	60		982.224.426	584.031.793
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	721.793.021	982.224.426

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B05 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	50.000.000.000	1.352.861.426	725.363.093	2.156.527.175	54.234.751.694
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.270.950.465	2.270.950.465
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	50.000.000.000	1.352.861.426	725.363.093	4.427.477.640	56.505.702.159
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.812.294.464	2.812.294.464
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	50.000.000.000	1.352.861.426	725.363.093	7.239.772.104	59.317.996.623

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Quản lý Quỹ số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam (“UBCKNN”) cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 100/GPĐC-UBCK được cấp ngày 20 tháng 10 năm 2022.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 8 nhân viên (31/12/2023: 9 nhân viên).

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 (“Thông tư 125”) do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực này và các quy định pháp lý có liên quan có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng có thời hạn trên ba tháng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Trang diện tử

Trang diện tử được xem là phần mềm máy tính và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư

Công ty nhận tiền từ khách hàng và sử dụng số tiền này để đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Khoản đầu tư vào danh mục đầu tư được quy định trong hợp đồng thay cho khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư và các tài sản và nợ phải trả liên quan đến các hợp đồng này được ghi nhận trong mục các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 125.

(i) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

(j) Các quỹ dự trữ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo hướng dẫn của Thông tư 114, số dư còn lại có thể được sử dụng như sau:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã được trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính có thể dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Hội đồng Thành viên Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các quy định có liên quan khác.

Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Thành viên của Công ty chưa đưa ra các quyết định liên quan đến số dư của quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kê trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu và thu nhập khác có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

(i) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Phí quản lý quỹ và phí quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ (nhà đầu tư), công ty mẹ cấp cao nhất của nhà đầu tư này và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này. Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ do Công ty quản lý.

(o) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 125 không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	721.793.021	482.224.426
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000
	721.793.021	982.224.426

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024				31/12/2023	
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND
Cổ phiếu chưa niêm yết Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	499,000	5.738.500.000	14.021.900.000	-	561.000	6.451.500.000
						9.649.200.000
						-

(*) Giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn (mã chứng khoán: SGP) được xác định dựa trên giá đóng cửa của cổ phiếu đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("thị trường UPCOM") tại ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm dao động từ 4,80% đến 5,60% (31/12/2023: từ 2,40% đến 9,00%).

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	30.674.234	533.582.627
Phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	241.371.616	-
	272.045.850	533.582.627

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	687.800.001	2.063.161.370

8. Tài sản cố định vô hình

	Trang diện từ VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	50.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	20.833.335
Khấu hao trong năm	16.666.668
Số dư cuối năm	37.500.003
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	29.166.665
Số dư cuối năm	12.499.997

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.180.409	703.992.516	(624.079.468)	279.093.457
Thuế thu nhập cá nhân	33.696.580	329.271.300	(307.534.310)	55.433.570
	232.876.989	1.033.263.816	(931.613.778)	334.527.027

10. Phải trả người lao động

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lương, thưởng phải trả	692.000.000	782.055.940

11. Vốn góp

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty đã được góp đủ bởi công ty mẹ, Công ty TNHH Chứng khoán ACB, là công ty được thành lập tại Việt Nam.

Công ty mẹ cấp cao nhất, Ngân hàng TMCP Á Châu, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***12. Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác**

Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác, có các khoản tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Công Ty Cổ Phần Real Stake Fintech	14.698.669	64.083.872

Chi tiết biến động tiền gửi ngân hàng trong năm của nhà đầu tư ủy thác như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	64.083.872	3.164.739
Tăng trong năm	3.351.229.469.989	2.360.705.507.327
<i>Tiền nhận từ nhà đầu tư ủy thác</i>	<i>1.559.710.407.123</i>	<i>1.229.708.000.000</i>
<i>Nhận tiền từ rút tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi</i>	<i>1.702.500.330.000</i>	<i>1.095.104.000.000</i>
<i>Lãi tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi nhận được</i>	<i>89.018.732.866</i>	<i>35.893.507.327</i>
Giảm trong năm	(3.351.278.855.192)	(2.360.644.588.194)
<i>Gửi tiền có kỳ hạn và mua chứng chỉ tiền gửi</i>	<i>(2.423.700.000.000)</i>	<i>(1.778.238.000.000)</i>
<i>Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký</i>	<i>(511.303.679)</i>	<i>(497.042.437)</i>
<i>Chuyển lợi nhuận và vốn gốc cho nhà đầu tư</i>	<i>(927.067.551.513)</i>	<i>(581.909.545.757)</i>
Số dư cuối năm	14.698.669	64.083.872

13. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Nhà đầu tư ủy thác trong nước		
Danh mục do Công ty đứng tên		
▪ Chứng chỉ tiền gửi	100.900.000.000	78.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.764.900.000.000	1.066.600.000.000
	1.865.800.000.000	1.144.600.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)

Chi tiết danh mục đầu tư nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác và do các nhà đầu tư này đứng tên như sau:

	31/12/2024			31/12/2023		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Chứng chỉ tiền gửi						
▪ Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt	3.500.000.000	(*)	(*)	57.000.000.000	(*)	(*)
▪ Công ty Tài chính cổ phần Điện lực	12.000.000.000	(*)	(*)	17.000.000.000	(*)	(*)
▪ Công ty tài chính TNHH ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC	85.400.000.000	(*)	(*)	4.000.000.000	(*)	(*)
Tiền gửi có kỳ hạn						
▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	795.900.000.000	(*)	(*)	582.800.000.000	(*)	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	637.900.000.000	(*)	(*)	363.300.000.000	(*)	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	110.000.000.000	(*)	(*)	95.500.000.000	(*)	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	207.100.000.000	(*)	(*)	25.000.000.000	(*)	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	4.000.000.000	(*)	(*)	-	(*)	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	(*)	(*)	-	(*)	(*)
	<u>1.865.800.000.000</u>			<u>1.144.600.000.000</u>		

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các chứng chỉ tiền gửi, tiền gửi có kỳ hạn nắm giữ hộ nhà đầu tư ủy thác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

14. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	38.268.454.248	38.644.242.464

15. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phí dịch vụ ngân hàng lưu ký	-	48.293.035

16. Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư (i)	2.547.664.961	1.507.163.456
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ (ii)	417.833.683	533.582.627
	2.965.498.644	2.040.746.083

- (i) Công ty đã ký các hợp đồng ủy thác đầu tư với các nhà đầu tư ủy thác, theo đó Công ty được nhận phí quản lý hàng tháng dựa trên giá trị đầu tư bình quân hàng tháng.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Công ty hiện đang quản lý duy nhất quỹ đầu tư ACB50 là quỹ thành viên, được thành lập tại Việt Nam. Thông tin chi tiết về các quỹ này như sau:

Tên viết tắt	Loại hình	Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập	Giá trị tài sản ròng
			tại ngày 31/12/2024 VND
ACB50	Quỹ thành viên	Số 64/GCN-UBCK ngày 17 tháng 11 năm 2022 và có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký.	61.302.794.601

Công ty được nhận phí quản lý từ quỹ đầu tư ACB50 ở mức 0,6% của giá trị tài sản ròng mỗi năm

17. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	1.732.649.301	1.242.912.373
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	203.892.031	-
	1.936.541.332	1.242.912.373

18. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.961.863.748	3.891.477.368
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	994.300.000	-
Cổ tức được chia	-	336.600.000
	3.956.163.748	4.228.077.368

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***19. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	1.279.589.859	1.914.370.750
Chi phí văn phòng	8.242.679	62.086.600
Chi phí nghiệp vụ	60.000.000	67.123.966
Chi phí khác	112.946.870	131.541.060
	1.460.779.408	2.175.122.376

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	703.992.516	511.321.047
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	703.992.516	511.321.047

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.516.286.980	2.782.271.512
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	703.257.396	556.454.302
Chi phí không được khấu trừ thuế	735.120	22.186.745
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	-	(67.320.000)
	703.992.516	511.321.047

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải chịu sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

21. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đánh giá và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra việc Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Công ty, rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)****Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng***

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Note	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng	(i)	721.793.021	982.224.426
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	53.000.000.000	47.500.000.000
Phải thu khách hàng từ tiền bán chứng khoán	(ii)	28.557.100	-
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	(ii)	272.045.850	533.582.627
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	687.800.001	2.063.161.370
		54.710.195.972	51.078.968.423

Tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(i) Phải thu khách hàng từ tiền bán chứng khoán, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác

Phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác chủ yếu bao gồm phải thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư, tiền bán chứng khoán của khách hàng và phải thu lãi. Rủi ro tín dụng liên quan đến các hoạt động này được xem là rất thấp do các khoản phải thu này chủ yếu là phải thu từ quỹ thuộc quản lý của Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

2-00
ÁN
TN
G
CHT

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	40.560.000	40.560.000	40.560.000
Phải trả ngắn hạn khác	76.112.319	76.112.319	76.112.319
	116.672.319	116.672.319	116.672.319
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Chi phí phải trả	39.000.000	39.000.000	39.000.000

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty không phải chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất vì Công ty không có bất cứ khoản vay nào và lãi suất của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại là lãi suất cố định.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng	721.793.021	982.224.426
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	53.000.000.000	47.500.000.000

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ

*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Rủi ro giá thị trường*

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm bởi sự thay đổi của chi số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Công ty đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

(iii) *Rủi ro tiền tệ*

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Công ty là do có gốc tiền tệ là Đồng Việt Nam cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 - CTQ***(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)***(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh	5.738.500.000	14.021.900.000	6.451.500.000	9.649.200.000
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	53.000.000.000	(*)	47.500.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng	721.793.021	(*)	982.224.426	(*)
▪ Phải thu tiền bán chứng khoán	28.557.100	(*)	-	-
▪ Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	272.045.850	(*)	533.582.627	(*)
▪ Phải thu ngắn hạn khác	687.800.001	(*)	2.063.161.370	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Chi phí phải trả	40.560.000	(*)	39.000.000	(*)
▪ Phải trả ngắn hạn khác	76.112.319	(*)	-	-

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 125 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mẫu B09 - CTQ
*(Ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC
ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính)*

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

(a) Giao dịch phát sinh trong năm

	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Chi phí môi giới chứng khoán	2.560.950	-
Phí lưu ký chứng khoán	1.818.122	1.842.885
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi thanh toán	1.896.014.345	3.476.232.853
Phí dịch vụ ngân hàng	400.700	568.000
<i>Quỹ đầu tư ACB50</i>		
Phí quản lý Quỹ	417.833.683	533.582.627
Tổng Giám đốc		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	241.000.000	193.500.000

(b) Số dư với các bên liên quan

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Chứng khoán ACB		
Vốn góp	50.000.000.000	50.000.000.000
Chứng khoán lưu ký	5.738.500.000	6.451.500.000
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Ngân hàng TMCP Á Châu		
Tài khoản thanh toán	609.784.032	452.211.023
Tài khoản tiền gửi	28.000.000.000	38.000.000.000
Dự thu lãi từ hợp đồng tiền gửi	525.471.234	2.054.120.274

Ngày 31 tháng 3 năm 2025


Trần Thị Thu Thủy
Người lập


Trần Thị Thu Thủy
Kế toán trưởng


Nguyễn Minh Tuấn
Tổng Giám đốc

